

KHAI QUẬT THĂM DÒ DI TÍCH ĐẤT ĐẤP DẠNG TRÒN THUẬN PHÚ 2 (HUYỆN ĐỒNG PHÚ, BÌNH PHƯỚC)

ĐẶNG NGỌC KÍNH*
NGUYỄN NHỰT PHƯƠNG**

Di tích đất đắp dạng tròn Thuận Phú 2, được bao quanh bởi bờ đất đắp cao 2m và hào sâu và có cấu trúc hai lối ra vào đối xứng theo trục tây bắc - đông nam. Ngôi “làng tròn” nằm trên cao nguyên đất đỏ Bình Phước này có đường kính hơn 320m. Mười một hố thám sát được đào tại nhiều vị trí khác nhau cho thấy cư dân cổ chỉ sinh sống ở khu vực bên trong dọc theo vòng hào, với tầng văn hóa dày khoảng 0,5m - 1m. Các hố khu trung tâm và bên ngoài hào, trên vòng đất đắp hoàn toàn không có vết tích cư trú. Tổ hợp di vật của Thuận Phú 2, bao gồm các công cụ đá và gốm, cho thấy mối liên hệ rõ ràng với văn hóa Đồng Nai và vùng Vàm Cỏ. Cư dân cổ ở đây đã sản xuất nông nghiệp, dựa trên mẫu lúa Japonica với niên đại phân tích bằng phương pháp AMS trực tiếp cho kết quả 3.632 - 3.470 cal BP.

Từ khóa: di tích đất đắp dạng tròn, khảo cổ học, tiền sử Nam Bộ, Bình Phước

Nhận bài ngày: 23/6/2022; *đưa vào biên tập:* 25/6/2022; *phản biện:* 15/7/2022; *duyet đăng:* 11/9/2022

1. DẪN NHẬP

Di tích đất đắp dạng tròn Thuận Phú 2 thuộc lô cao su 23, Nông trường Tân Thành, ấp Tân Phú, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, có tọa độ $11^{\circ}33'45''$ vĩ bắc và $106^{\circ}49'47''$ kinh đông, cao độ +124m so với mực nước biển. Khu vực phân bố di tích nằm trên sườn đồi rộng và bằng phẳng, cao hơn đáy thung lũng bên dưới khoảng 50 - 55m, khu vực phân bố di tích hiện đang được phủ kín bởi cây cao su khoảng 15 năm tuổi.

Di tích Thuận Phú 2 nằm cách trung tâm thành phố Đồng Xoài khoảng 8km về phía tây bắc, gần với di tích này, nằm cách khoảng 6km về phía bắc là

nhóm di tích đất đắp dạng tròn Thuận Lợi 1 - Thuận Lợi 2 - Thuận Lợi 3 đã được phát hiện và đào thám sát trong giai đoạn trước đây (Nguyễn Khánh Trung Kiên, Phạm Hữu Hiến, 2019).

Thuận Phú 2 được cán bộ Bảo tàng Bình Phước phát hiện vào đầu năm 2018, được khảo sát và định vị vào tháng 4 năm 2018. Kết quả khảo sát và đo đạc hiện trạng cho thấy di tích thuộc nhóm di tích có quy mô lớn với diện tích khoảng hơn 100.000m². Đường kính vòng đất đắp bên ngoài hơn 320m, được đắp nổi cao hơn so với địa hình tự nhiên xung quanh khoảng 2m, bên trong là một hào rộng 8 - 10m và khu cư trú nằm tiếp giáp phía bên trong hào, có đường kính khoảng 220m. Di tích này có hai lối ra vào nằm đối xứng theo trục đi qua trung tâm, ở hai phía đông nam

*, ** Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

và tây bắc, cùng hướng xuống nguồn nước gần đó.

Ở phía đông có một đường đất nội bộ của nông trường cao su chạy cắt qua, phá hủy một phần cấu trúc di tích. Trung tâm di tích có một số hố bom trong thời chiến tranh, bị lấp một phần, không còn sâu. Lối ra vào phía tây bắc và lối ra vào phía đông nam, vết tích của vòng đất đắp bên ngoài và hào nhìn thấy khá rõ ràng, vòng cư trú nổi cao, tách biệt rất rõ với mặt đất tự nhiên xung quanh.

Từ các kết quả khảo sát bước đầu, tháng 4 năm 2019, Bảo tàng Bình Phước phối hợp với Trung tâm Khảo cổ học (Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ) tiến hành khai quật thăm dò để nghiên cứu, nhận diện các tính chất của di tích. 11 hố thám sát, tổng diện tích 28m² đã được mở ở nhiều vị trí: vùng cư trú bên trong, vòng đất đắp ngoài và khu vực trung tâm để kiểm tra sự phân bố của di tích và di vật.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình khai quật thăm dò, nhóm khảo sát đã áp dụng các phương pháp xử lý hiện trường của khảo cổ học để ghi nhận các phát hiện trong hố thám sát và áp dụng các quy trình chỉnh lý hiện vật tìm thấy sau khi khai quật. Địa hình khu vực và vị trí các hố thám sát được mở theo hệ lưới tọa độ nội bộ, thiết lập bằng toàn đạc điện tử. Vị trí các hố được đánh dấu và định vị bằng tọa độ lưới X-Y và GPS cầm tay Garmin, để thuận tiện khi kết nối tư liệu với các nghiên cứu sau này.

Việc xử lý trong mỗi hố thám sát tuân theo diễn biến các bối cảnh văn hóa (context), dựa theo những khác biệt về

màu sắc đất cũng như mật độ di vật. Các lớp này được xử lý thành nhiều phân lớp, có độ dày 10cm, nếu lớp văn hóa có độ dày cao. Mô tả về màu sắc của các lớp đất được so sánh theo bảng màu chuẩn (Munsell soil chart) với ký hiệu và mã số màu chi tiết theo chuẩn quốc tế để thuận tiện cho các nghiên cứu so sánh.

Trong quá trình xử lý các lớp đất trong tầng văn hóa, có 11 mẫu đất từ năm hố thám sát (TS1, TS3, TS5, TS7 và TS9) được chọn để lấy mẫu bằng phương pháp tách nổi (floatation) (mỗi mẫu có thể tích trung bình khoảng 18 đến 22 litre đất) để lấy mẫu vi tư liệu và gửi cho chuyên gia nghiên cứu cổ môi trường phân tích. Các mẫu than nhỏ tìm thấy trong tầng văn hóa được lưu giữ để tiến hành gởi mẫu phân tích niên đại bằng phương pháp phổ khối gia tốc AMS (Accelerator Mass Spectrometry).

3. KẾT QUẢ KHAI QUẠT VÀ NHỮNG PHÁT HIỆN MỚI

3.1. Khái quát về các hố thám sát

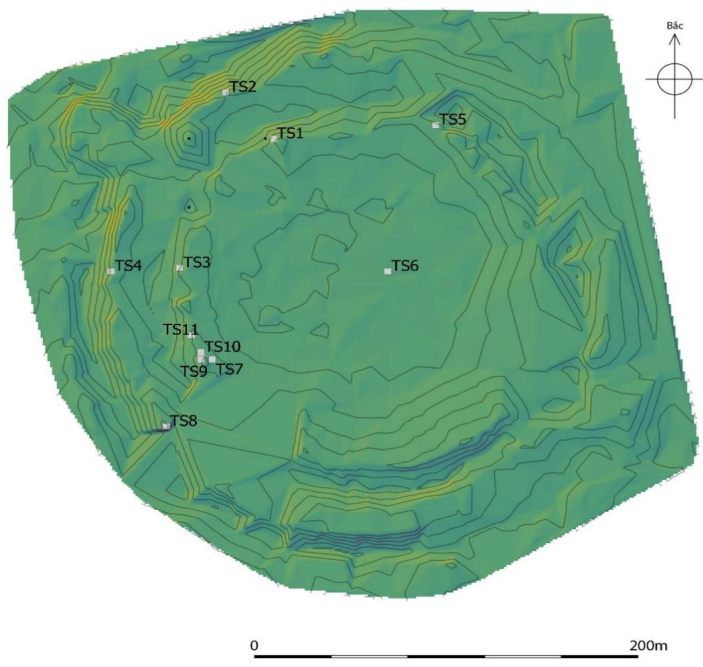
Trên cơ sở khảo sát hiện trạng di tích, các hố thám sát đã được mở ở nhiều vị trí khác nhau để kiểm tra tầng văn hóa và mật độ cư trú (Hình 1). Hố thám sát TS1 và TS3 được mở gần lối ra vào phía tây bắc. Hố TS6 mở ở khu vực trung tâm của di tích. Hố TS5, TS7, TS8, TS9, TS10 mở ở trên vòng cư trú, tập trung vào khu vực nổi cao ở phía tây di tích. Các hố thám sát TS2, TS4 và TS8 được mở trên vòng đất đắp cao bên ngoài.

Kết quả thám sát cho thấy, những hố thám sát nằm ở vòng đất đắp ngoài (TS2, TS4, TS8) hoàn toàn không có tầng văn hóa hay vết tích cư trú. Tương

tự như vậy, không có hiện vật nào được tìm thấy ở hố thám sát TS6 mở ở khu vực trung tâm của di tích. Ngược lại,

các hố thám sát thể hiện rõ dấu vết cư trú, qua số lượng gốm và hiện vật trong tầng văn hóa, đều là những hố nằm trong khu vực bên trong của hào, trên bờ đất cao. Mật độ hiện vật chủ yếu tập trung cao hơn trong các hố mở ở khu vực phía tây (TS7, TS9, TS10, TS11). Trong khi những hố thám sát mở ở khu gần cửa ra vào (TS1 và TS3) mật độ cư trú thưa thớt hơn nhiều. Hố TS5, mở ở khu vực đông bắc, có số lượng mảnh gốm và hiện vật không nhiều, nhưng cũng cho thấy dấu vết của tầng văn hóa khá rõ (xem Bảng 1).

Hình 1. Bản đồ địa hình và phân bố các hố thám sát di tích Thuận Phú 2



Nguồn: Tác giả (Đặng Ngọc Kính).

Bảng 1. Vị trí các hố thám sát di tích Thuận Phú 2 - năm 2019

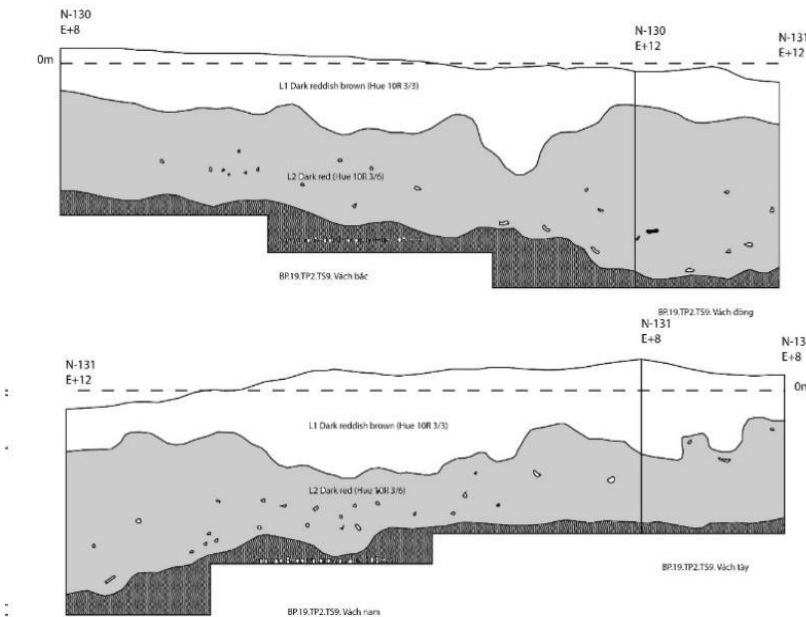
Ký hiệu	Vĩ độ	Kinh độ	Y	X	Vị trí	Diện tích (m ²)	Số lượng mảnh gốm	Mật độ
BP.19.TP2.TS1	11.56425	106.82811	-2	46	Vòng cư trú	2	154	77
BP.19.TP2.TS2	11.56425	106.82811	21	25	Vòng đất đắp trong	2	0	0
BP.19.TP2.TS3	11.56375	106.82764	-77	-3	Vòng cư trú	2	83	41.5
BP.19.TP2.TS4	11.56356	106.82727	-80	-39	Vòng đất đắp trong	2	0	0
BP.19.TP2.TS5	11.56425	106.82888	4	131	Vòng cư trú	2	33	16.5
BP.19.TP2.TS6	11.56352	106.82863	-79	106	Trung tâm	2	0	0
BP.19.TP2.TS7	11.56294	106.82753	-131	14	Vòng cư trú	2	620	310
BP.19.TP2.TS8	11.56281	106.82766	-170	-10	Vòng đất đắp ngoài	2	0	0
BP.19.TP2.TS9	11.56306	106.82774	-131	8	Vòng cư trú	4	978	244.5
BP.19.TP2.TS10	11.5631	106.82777	-126	8	Vòng cư trú	4	882	220.5
BP.19.TP2.TS11	11.56317	106.82769	-118	3	Vòng cư trú	4	426	106.5

3.2. Kết cấu địa tầng

3.2.1. Các hố trên khu vực cư trú

Các hố TS1, TS3, TS5, TS7, TS9, TS10 và TS11, được mở trên khu vực cư trú dọc bên trong vòng hào, có cấu tạo địa tầng tương tự nhau, mặc dù độ dày mỏng và mật độ di vật trong tầng văn hóa có chút khác biệt. Địa tầng gồm ba lớp chính (xem Hình 2):

Hình 2. Địa tầng hố thám sát TS9



Nguồn: Tác giả.

- Lớp 1: dày từ 70 - 75cm, đất có màu nâu đỏ sẫm (*dark reddish brown - Hue 10R3/2*), khá mềm và ẩm, kết cấu bờ rời, toi xốp. Từ lớp 1.1 đến lớp 1.3, đất có lẫn nhiều rễ cây cao su. Từ lớp 1.4 đến lớp 1.7, trong đất xuất hiện một số tổ mối, nhưng không còn lẫn nhiều vật dụng hiện đại và cũng chưa tìm thấy hiện vật khảo cổ.

- Lớp 2: là lớp văn hóa cổ, dày khoảng 60cm ở nhóm các hố TS1, TS3 và TS5 và dày hơn khoảng 80 - 100cm ở nhóm TS7, TS9, TS10 và TS11. Đất có màu

đỏ sẫm (*dark red - Hue 10R3/6*), hơi cứng hơn lớp 1, các mảnh gốm cổ xuất hiện nhiều, dấu vết cư trú thể hiện rõ nét, tập trung nhiều nhất ở phân lớp 2.6, lớp 2.7.

- Sinh thổ: vẫn là loại đất đỏ basalt, màu nâu đỏ (*reddish brown - Hue 10R4/4*), kết cấu đất chặt, dễ cứng hơn nhiều so với những lớp trên. Bề mặt sinh thổ

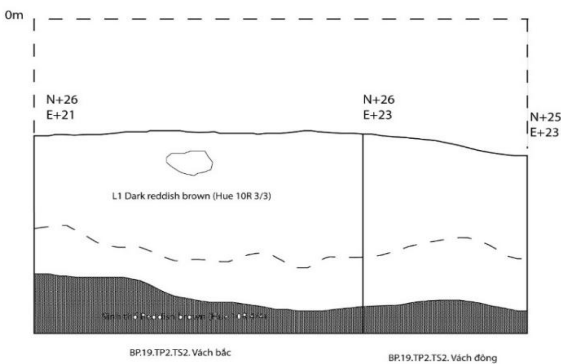
tương đối bằng phẳng, ngoài một vài dấu vết lỗ cột xuất hiện đơn lẻ.

3.2.2. Các hố trên vòng đất đắp ngoài

Tại các hố thám sát được mở ở khu vực trên vòng đất đắp như TS2, TS4, TS8, địa tầng chỉ ghi nhận là lớp đất đắp, không có vết tích tầng văn hóa hay hiện vật

khảo cổ (xem Hình 3).

Hình 3. Địa tầng hố thám sát TS2



Nguồn: Tác giả.

- Lớp 1a: dày từ 75 - 85cm, đất có màu nâu đỏ sẫm (*dark reddish brown - Hue 10R3/3*), khá mềm, ẩm, hơi xốp, đất có lẫn nhiều rễ cây cao su cùng một số vật dụng hiện đại.

- Lớp 1b: là lớp đất có cao trình tương đương với bề mặt cư trú, khá mỏng, chỉ dày từ 20 - 30cm, đất có màu đỏ sẫm (*dark red - Hue 10R3/6*), hơi cứng hơn lớp 1a. Những dấu vết cư trú xuất hiện rất mờ nhạt. Đây không phải là khu vực cư trú của người cổ mà chỉ mang tính chất của một "bờ thành" dùng để phòng ngự. Dấu vết lỗ cột ở sinh thổ gợi lên khả năng của việc dựng một bờ rào bằng cây gỗ bao bọc nơi cư trú trước khi chúng được đào hào và đắp lên bờ đất để gia tăng khả năng phòng ngự.

3.3. Không gian cư trú

Mật độ mảnh gốm ở các hố thám sát cho thấy rõ hơn một số đặc điểm phân bố cư trú của Thuận Phú 2 và các di tích đất đắp dạng tròn khác ở Bình Phước.

- Khu vực cư trú: chỉ ghi nhận trong một cung tròn có không gian giới hạn bên trong hào. Tích tụ của quá trình cư trú dọc theo bờ hào làm cho khu vực này nổi cao hơn so với địa hình xung quanh.

- Ở khu vực gần lối ra vào: dấu vết cư trú mờ nhạt hơn các vị trí khác, có thể cư dân cổ đã tránh khu vực này để thuận tiện cho việc di chuyển ra vào của cộng đồng.

- Ở trung tâm: vết tích cư trú không rõ nét, khả năng nơi đây không phải là nơi cư trú mà được để trống dành cho sinh hoạt chung của cộng đồng,

- Khu vực vòng đất đắp cao bên ngoài hào: hoàn toàn không có vết cư trú và chỉ mang ý nghĩa như một bờ lũy để

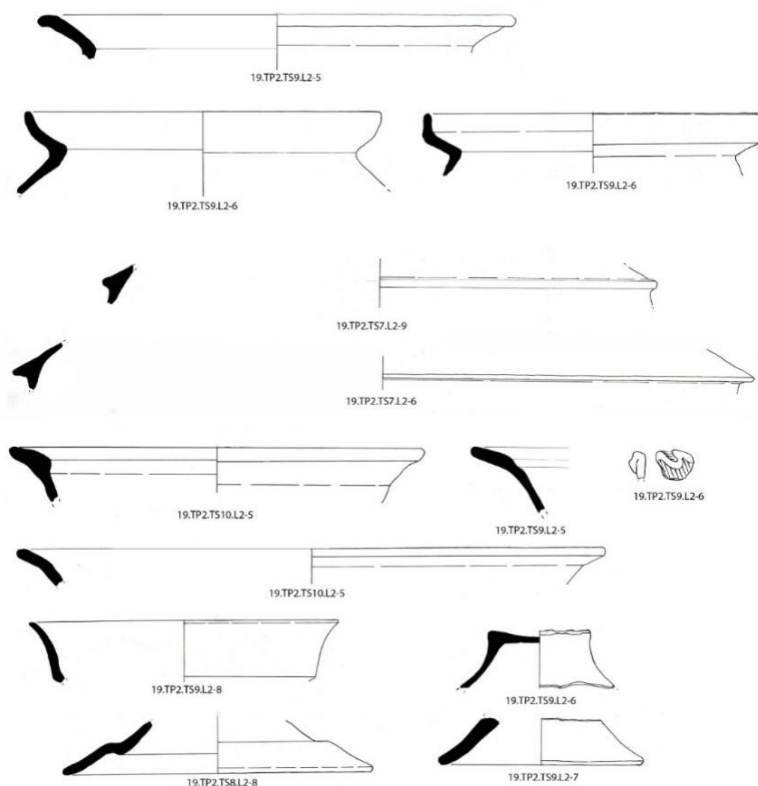
tăng cường phòng thủ. Các lỗ cột xuất hiện trong sinh thổ của các hố thám sát trên vòng đất đắp cũng gợi mở khả năng, đã có hệ thống "hàng rào" bằng cột gỗ ở đây, trước khi xuất hiện vòng thành đất đắp này (?).

Do có cấu trúc đặc biệt nên Thuận Phú 2 được lựa chọn đào thám sát để nghiên cứu. Với cấu trúc một di tích đất đắp dạng tròn có hai vòng hào, bao bọc cả bên ngoài và bên trong vòng đất đắp khác với hầu hết các di tích phát hiện trước đây, vốn chỉ có một vòng đất đắp với hào bên trong. Lúc đầu giả thuyết được đề ra là do vấn đề gia tăng dân số nên cộng đồng phải mở rộng diện tích bằng cách cư trú trên vòng đất đắp. Do đó, cư dân cổ phải đào thêm một hào vây quanh bên ngoài để bảo vệ an toàn cho cộng đồng. Tuy nhiên, kết quả thám sát cho thấy trên vòng đất cao này không có vết tích cư trú. Đồng thời, mật độ của di vật không cao và chỉ tập trung tại một số điểm đào, gián tiếp cho phép suy đoán quy mô dân số của di tích không quá cao.

Như vậy, các kết quả thám sát phù hợp với giả thuyết về việc gia tăng dân số dẫn đến nhu cầu mở rộng khu cư trú. Vì thế, có thể suy đoán cư dân cổ nơi đây phải đào thêm vòng hào bên ngoài để gia tăng khả năng phòng ngự, tăng cường mức độ an toàn cho cộng đồng trong quá trình định cư (?). Hoặc do vòng hào bên ngoài và bên trong đã được tạo cùng lúc khi xây dựng vòng đất đắp (?). Tức là, thay vì chỉ lấy đất từ bên trong và đắp ra bên ngoài, cư dân cổ đã đồng thời đào từ hai bên để lấy đất đắp, quá trình này tạo nên hai vòng hào sâu hai bên và vòng đất cao chính giữa.

3.4. Di vật khảo cổ

Hình 4. Các loại hình gốm tiêu biểu ở Thuận Phú 2



Nguồn: Tác giả.

Nếu so với các di tích đồng dạng đã khai quật trước đây, ở các hố thám sát này không phát hiện nhiều hiện vật khảo cổ, chủ yếu là các mảnh gốm của những loại đồ đựng phục vụ sinh hoạt thường nhật như nồi, vò với thân dạng hình cầu, không có chân đế và một số loại bát bồng có chân đế choãi thấp.

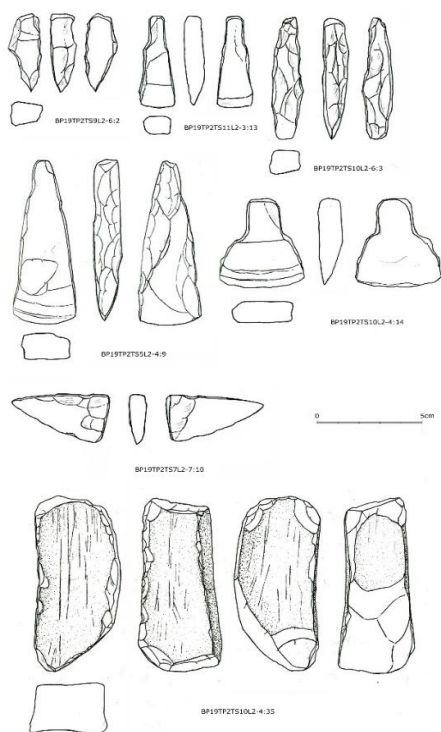
Các mảnh gốm được chia thành hai nhóm chất liệu, với tỷ lệ gần như tương đương: gốm có xương màu nâu đỏ (1.696 mảnh) và gốm có xương màu xám đen (1.480 mảnh), sự khác biệt này liên quan đến thành phần phụ gia trong đất sét. Loại gốm màu nâu đỏ có nhiều cát trong khi loại xám đen pha nhiều bã thực vật. Về loại hình, hầu hết

mảnh gốm tìm thấy là mảnh thân tròn (2.986 mảnh) và thân có hoa văn (98 mảnh, hầu hết là văn chải), một số mảnh vai gốm trang trí đắp nổi cũng được tìm thấy (13 mảnh). Loại có chân đế rất ít, 8 mảnh của loại bát bồng có chân loe choãi. Mảnh miệng gốm có 71 mảnh, kiểu miệng đơn giản của những nồi miệng loe thân hình cầu và chậu có miệng loe, mép miệng dày (Hình 4).

Loại đồ gốm có vai đắp nổi để trang trí cũng được tìm thấy, chúng tương tự các hiện vật ở khu vực sông Đồng Nai như Bình Đa (Đồng Nai) và Mỹ Lộc (Bình Dương) (Nisimura, 2002). Điều này cho thấy có thể có những giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng cư dân

sinh sống cùng thời ở hai khu vực. Trong khi, loại hình đồ gốm có miệng lượn sóng (mảnh gốm ký hiệu 19.TP2.TS9.L2-6) cho thấy chủ nhân di tích Thuận Phú 2 còn có những trao đổi trong không gian rộng hơn, với nhóm di tích ở lưu vực sông Vàm Cỏ Đông như Lộc Giang, An Sơn (Long An), Bà Đào, Dinh Ông (Tây Ninh) cách đó hơn 100km về phía nam. Loại hình đồ gốm có miệng dạng lượn sóng này cũng đã tìm thấy các mảnh vỡ với số lượng rất ít ở trong các di tích đất đắp tròn khác như An Phú, Long Hưng 1 (Bình Phước) (Nguyễn Hoàng Bách Linh, 2017). Sự xuất hiện của chúng cho thấy có những tuyến giao lưu trao đổi sản phẩm thời cổ đại đã diễn ra trên diện rộng ở Nam Bộ thời tiền sử.

Hình 5. Các loại công cụ đá tiêu biểu ở di tích Thuận Phú 2



Nguồn: Tác giả.

Công cụ đá được tìm thấy gồm một mảnh dao hái hình bán nguyệt, sống thẳng, lưỡi tác dụng hình cung tròn. Tám chiếc đục nhỏ có dáng hình chữ nhật dài, đầu hơi thuôn nhỏ hoặc tạo thành mũi nhọn. Hai rìu có vai kích thước nhỏ, đã chế tác hoàn chỉnh. Hai rìu tứ giác, đốc thuôn nhỏ so với lưỡi, toàn thân được mài nhưng còn thấy các vết ghe, mặt cắt ngang thân hình chữ nhật (Hình 5). Ngoài ra, sự xuất hiện của các mảnh tước và bàn mài cũng cho thấy bên trong cộng đồng có các hoạt động tái chế công cụ đá.

Bốn mươi tám bàn mài và mảnh vỡ của bàn mài cũng được tìm thấy, hầu hết là dạng bàn mài lõm, với độ rộng và độ lõm của vết mài phù hợp với hình dáng, độ rộng thân và cung lưỡi của các công cụ đá. Ngoài ra, còn có một hiện vật loại bàn mài hình trụ tròn, dùng để mài bên trong của các vòng tay đá.

Đặc trưng có thể nhận thấy của công cụ đá ở Thuận Phú 2 là kích thước nhỏ, tương tự di vật tại di tích Bù Nho (Nguyễn Khánh Trung Kiên, Lê Hoàng Phong, 2021). Tất cả các công cụ này đều phổ biến trong các di tích tiền sử vùng Đồng Nai (Bùi Chí Hoàng, 2017: 137-152). Việc xuất hiện phổ biến những công cụ bằng đá kích thước quá nhỏ, dường như không phù hợp để phát quang hay canh tác, cho thấy nhiều khả năng bên cạnh dụng cụ lao động bằng đá, dân cư cổ ở đây còn có những loại dụng cụ làm từ tre nứa, gỗ hoặc các vật liệu hữu cơ khác mà dấu vết đã không lưu giữ được qua thời gian.

3.5. Kết quả phân tích floatation và niên đại

11 mẫu đất được thu thập từ năm hố thám sát TS1 (L2.2, L2.4), TS3 (L2.5, L2.3), TS5 (L2.3, L2.5), TS7 (L2.5, L2.6, L2.10), TS9 (L2.5, L2.7) đã được xử lý bằng phương pháp tách nổi với nước và túi vải lọc chuyên dụng (floatation), để thu thập các mẫu thực vật hóa than. Kết quả phân tích từ Zhenhua Deng - Đại học Bắc Kinh (Trung Quốc) cho biết như sau:

Các dấu vết ngũ cốc xuất hiện khá nhiều (n=14) trong các mẫu floatation, tất cả chúng đã bị than hóa với tình trạng bảo tồn là các hạt vỡ hoặc còn lại phần cuống hạt. Một mẫu vật còn bảo tồn khá tốt thuộc mẫu M5 (hố TS5.L2.3) có hình dạng còn lại cho thấy nó thuộc loài lúa đã thuần dưỡng *Oryza Sativa Japonica*. Các nghiên cứu vi tư liệu về thực vật cũng cho biết lúa thuần hóa còn xuất hiện ở trong các di tích đất đắp dạng tròn khác là Bù Nho và Long Hưng 1, với niên đại từ khoảng 3.900 đến 3.600 cách ngày nay (Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2021).

Ngoài lúa, trong tầng văn hóa của di tích Thuận Phú 2 còn chứa bào tử của những loài thực vật khác như các loại cỏ thuộc họ Hòa thảo (*Digitatia sp.*) với các phân họ như: Kê (*Panicoideaea*) và Lúa (*Poaceae*) và những loài khác thuộc các họ Cúc (*Asteraceae*); họ Cói (*Cyperaceae*, *Cyperus iria* và *Fimbristylis sp.*); phân họ Cải (*Brassicaceae*) và phân họ Kiệu mạch (*Polygonaceae*); và họ Dền (*Chenopodium sp.*) (Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2021).

Về niên đại của Thuận Phú 2, qua kết quả phân tích AMS và so sánh đối chiếu tổ hợp di vật có thể xếp di tích này khoảng 3.500 năm cách ngày nay. Một

mẫu niên đại tuyệt đối được phân tích bằng phương pháp AMS trực tiếp (AMS Direct dating) trên mẫu lúa thu được ở Thuận Phú 2, do Phòng Phân tích Beta (Hoa Kỳ) (ký hiệu Beta 559282) cho kết quả niên đại 3.320 ± 30 BP, tương ứng 3.632 - 3.470 năm cách ngày nay (độ tập trung 95,4%) sau khi hiệu chỉnh. Hiện vật của di tích Thuận Phú 2 có sự tương đồng với di tích đất đắp tròn cùng loại là Bù Nho, vốn được xác định niên đại tuyệt đối khoảng 3.500 đến 3.900 năm cách ngày nay (Nguyễn Khánh Trung Kiên, Lê Hoàng Phong, 2021). Ngoài ra, tại Thuận Phú còn tìm thấy mảnh gốm thuộc loại hình tô sâu lòng với miệng tạo dáng hình lượn sóng (wavy rim) cũng là loại hình đặc trưng của di tích An Sơn (Long An), có niên đại khoảng 4.000 - 3.500 năm cách ngày nay (Bellwood và nnk, 2013). Đây là những căn cứ góp phần xác thực cho niên đại khoảng 3.500 năm cách ngày nay của Thuận Phú 2.

4. KẾT LUẬN

Qua kết quả khai quật thăm dò, có thể khẳng định chắc chắn rằng Thuận Phú 2 chính là một di tích đất đắp dạng tròn thời tiền sử, đồng dạng với hơn 70 địa điểm đã biết ở Bình Phước. Di tích đất đắp dạng tròn Thuận Phú 2 có quy mô thuộc loại khá lớn, với đường kính ngoài hơn 320m, với cấu trúc hai lối ra vào đối xứng theo trục tây bắc - đông nam và có hai mồm đất kéo dài nơi lối ra vào, hai bên lối ra vào được đắp ụ cao. Các đặc điểm này thường tìm thấy ở nhóm di tích đất đắp tròn có niên đại sớm như Lộc Tấn 2 và Thuận Lợi 1 (Nguyễn Khánh Trung Kiên, Nguyễn Nhựt Phương, 2020: 25).

Với 11 hố thám sát được mở tại nhiều vị trí đã cho thấy vòng đất bên trong phạm vi giới hạn của hào chính là khu vực cư trú của cư dân cổ. Vết tích sinh hoạt tập trung nhiều ở khu vực phía tây (TS7, TS9, TS10 và TS11) với tầng văn hóa dày khoảng 0,5m đến 1m, trong đó có các di vật gốm và công cụ đá. Trong khi đó, khu vực phía tây bắc, gần lối ra vào (hố TS21, TS3 và TS5) có vẻ có mật độ cư trú thưa hơn. Hố khu vực trung tâm (TS6) có dấu vết cư trú khá mờ nhạt, có lẽ đây là khu vực trống để dành cho sinh hoạt chung của cộng đồng. Trái lại, các hố thám sát bên trên vòng đất đắp (TS2, TS4 và TS8) hoàn toàn không có vết tích cư trú.

Như vậy, các phát hiện về phân bố cư trú ở Thuận Phú 2 giống với tư liệu ở các di tích đất đắp dạng tròn khác ở Bình Phước. Sinh hoạt của cư dân cổ diễn ra trong không gian hẹp kín bên trong vòng hào này đã tạo nên lớp tích tụ văn hóa dọc theo vòng tròn và làm cho địa hình khu vực có cư trú hơi nổi cao so với xung quanh. Khu vực cửa ra vào và trung tâm thường trống trải, có thể để thuận tiện cho việc ra vào và các hoạt động chung của cộng đồng như đã ghi nhận trong nhiều di tích (Nguyễn Khánh Trung Kiên, Phạm Hữu Hiến, 2019; Nguyễn Khánh Trung Kiên, Nguyễn Nhật Phương, 2020: 25; Nguyễn Khánh Trung Kiên, Lê Hoàng Phong, 2021: 29).

Tầng văn hóa di tích Thuận Phú 2 chỉ dày khoảng 0,5m đến 1m và mật độ gốm khá thưa (cao nhất khoảng 200 - 300 mảnh gốm trên 1m² khai quật) cho thấy quy mô cộng đồng cư dân nơi đây có thể không lớn lắm. Tuy nhiên, để có

thể nuôi sống một cộng đồng tiền sử như vậy, ngoài kinh tế khai thác nguồn lợi từ môi trường tự nhiên, có lẽ kinh tế sản xuất - nông nghiệp cũng đã phát triển. Kinh tế khai thác và sản xuất dựa vào tự nhiên có lẽ cũng là một trong những lý do để cộng đồng tiền sử nơi đây lựa chọn những khu vực thuận lợi để xây dựng khu cư trú. Theo đó, các di tích đất đắp dạng tròn thường phân bố trên những ngọn đồi, được bao bọc xung quanh bởi các thung lũng rộng thoáng và gần nguồn nước (Nguyễn Trung Đỗ, 2002; Nguyễn Khánh Trung Kiên, Nguyễn Nhật Phương, 2020). Khu vực cư trú của cộng đồng thường trên cao, giữ một khoảng cách hợp lý, vừa đủ an toàn để tránh xa thung lũng, nơi tụ tập của các loài thú hoang dã, nhưng cũng thuận tiện cho sinh hoạt và hoạt động nông nghiệp.

Nền cảnh địa sinh thái nhiệt đới - cận nhiệt đới ở Nam Bộ đem lại những thuận lợi cho sự phát triển của nông nghiệp kiểu nương rẫy và nông nghiệp không dùng sức kéo có lẽ đã có vai trò chủ đạo trong sự phát triển kinh tế cổ xưa (Phạm Đức Mạnh, 1995). Sưu tập hiện vật khai quật được trong di tích, ít nhiều cũng cho phép tái dựng quá trình sản xuất và thu hoạch nông sản. Từ các loại nông cụ dùng trong phát quang, đào xới đất như rìu - cuốc, hoặc các dụng cụ như dao - đục để chế tác các công cụ lao động bằng tre nứa, cho đến sưu tập những chiếc dao gặt bằng đá hình bán nguyệt, rất có thể được sử dụng để thu hoạch hạt trên nương rẫy.

Thêm vào đó, phát hiện quan trọng về sự có mặt của lúa *japonica* trong các di tích đất đắp dạng tròn đã đem đến

những nhận thức mới về sinh kế của cư dân thời tiền sử. Đồng thời phát hiện này, trong bối cảnh niên đại rất sớm 3.900 - 3.600 năm cách ngày nay của các di tích ở khu vực đất đỏ Bình Phước và các di tích khác ở Nam Bộ, cũng đem lại nhiều viễn cảnh nghiên cứu mới về nguồn gốc và những con đường lan truyền của nông nghiệp ở Đông Nam Á lục địa (Đặng Ngọc Kính, 2018; Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2021). □

Hình 6. Xử lý hiện trường hố thám sát di tích Thuận Phú 2



TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bellwood Peter, Marc Oxenham, Bui Chi Hoang và nnk. 2013. "An Son and the Neolithic of Southern Vietnam". *Asian Perspectives*, Vol. 50, No. 1&2 © 2013 by the University of Hawai'i Press.
2. Bùi Chí Hoàng (chủ biên), Nguyễn Khánh Trung Kiên, Đặng Ngọc Kính. 2017. *Khảo cổ học Nam Bộ thời tiền sử*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Đặng Ngọc Kính. 2018. "Sinh kế của cư dân tiền sử thời đá mới ở Long An". *Tạp chí Khoa học xã hội (TPHCM)*, số 5, tr. 56-65.
4. Nguyễn Trung Đỗ. 2002. *Di tích đất đắp dạng tròn ở Bình Phước*. Luận án. Viện Khoa học xã hội tại TPHCM.
5. Nguyễn Khánh Trung Kiên, Phạm Hữu Hiến. 2019. "Một số nghiên cứu mới về những di tích đất đắp dạng tròn trên địa bàn tỉnh Bình Phước". *Tạp chí Khoa học xã hội (TPHCM)*, số 11, tr. 89-100.
6. Nguyễn Khánh Trung Kiên, Nguyễn Nhật Phương. 2020. "Di tích đất đắp dạng tròn ở Đông Nam Bộ: không gian phân bố, quy mô và niên đại". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 5, tr. 23-36.
7. Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2021. "Lúa trong các di tích đất đắp dạng tròn ở Bình Phước và viễn cảnh nghiên cứu". *Tạp chí Khoa học xã hội (TPHCM)*, số 10, tr. 67-83.
8. Nguyễn Khánh Trung Kiên, Lê Hoàng Phong. 2021. "Di tích Bù Nho, những phát hiện mới". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 5, tr. 19-33.
9. Nguyễn Hoàng Bách Linh. 2017. "Đồ gốm có miệng dạng lượn sóng trong di tích An Sơn (Đức Hòa, Long An), tư liệu và nhận thức". *Tạp chí Khoa học xã hội (TPHCM)*, số 10, tr. 51-63.
10. Nisimura Masanari. 2002. "Chronology of the Neolithic Age in the Southern Vietnam". *Journal of Southeast Asian Archaeology*. No 22, pp. 22-57.
11. Nishimura Masanari, Nguyen Kim Dung. 2002. "Excavation of An Son: a Neolithic Mound Site in the Middle Reach of the Vam Co Dong River, Southern Vietnam". *Indo - Pacific Association Bulletin*, 22 (*Melaka Papers, Volume 6*), pp. 101-109.
12. Phạm Đức Mạnh. 1995. "Về khuynh hướng hoạt động kinh tế nông nghiệp trồng lúa - rau củ nguyên thủy ở miền Đông Nam Bộ". *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 4.